

THÔNG BÁO

V/v xét tuyển vào đại học, cao đẳng thuộc Đại học Thái Nguyên dành cho các thí sinh thuộc 62 huyện nghèo, thí sinh thuộc 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao thí sinh thuộc 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực tây nam bộ và thí sinh thuộc dân tộc rất ít người

Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 2 năm 2015 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Công văn số 1988/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 24/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển vào đại học, cao đẳng năm 2015, Đại học Thái Nguyên thông báo thông tin về việc xét tuyển thí sinh thuộc các huyện nghèo như sau:

1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo; thí sinh là người dân tộc rất ít người theo quy định tại Đề án phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010 - 2015 theo Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ (Phụ lục 1).

Những thí sinh này nếu trúng tuyển phải học bổ sung kiến thức 01 năm học trước khi vào học chính thức

2.1. Xét tuyển đào tạo trình độ đại học (Chỉ tiêu:830)

STT	Khối thi của ngành đăng ký xét tuyển	Điểm thi tốt nghiệp PTTH	Xếp loại tốt nghiệp PTTH	Điểm trong học bạ PTTH	Tiêu chí khác dựa trên đặc thù của từng ngành đào tạo
Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Chỉ tiêu: 200)					
1	Các khối		Tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt loại trung bình trở lên.	Xếp loại học lực cả năm ở lớp 10,11, 12 đạt loại trung bình trở lên.	
Trường Đại học Nông Lâm (Chỉ tiêu: 200)					
1	Các khối		Tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt loại trung bình trở lên.	Xếp loại học lực cả năm ở các lớp 10,11,12 đạt loại trung bình trở lên.	
Trường Đại học Khoa học (Chỉ tiêu: 180, xét tuyển cho 05 ngành đào tạo)					
1	Các khối		Tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt loại trung bình trở lên.	<i>Ba môn văn hóa (theo khối thi) của các học kỳ trong học bạ THPT lớp 12 đều phải có điểm tổng kết từ 5.0 trở lên.</i>	
Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông (Chỉ tiêu: 100)					
1	Các khối		Tốt nghiệp trung học phổ thông đạt loại trung bình trở lên.	Xếp loại học lực cả năm ở các lớp 10,11,12 đạt loại trung bình trở lên.	
Khoa Ngoại ngữ (Chỉ tiêu: 70)					
	Các khối	Điểm thi các môn ngoại ngữ đạt từ 6.0 trở lên.	Tốt nghiệp trung học phổ thông đạt loại trung bình trở lên.	Xếp loại học lực cả năm ở các lớp 10, 11, 12 đạt loại trung bình trở lên.	
Khoa Quốc tế (Chỉ tiêu: 80)					
1	Các khối		Tốt nghiệp trung học phổ thông đạt loại trung bình trở lên.	Xếp loại học lực cả năm ở các lớp 10, 11, 12 đạt loại trung bình trở lên.	

Ghi chú: - Các ngành xét tuyển cụ thể xem tại Phụ lục 2;
- Các huyện xét tuyển cụ thể xem tại Phụ lục 1.

2.2. Điều kiện xếp loại hạnh kiểm trong học bạ phổ thông trung học

Thí sinh đăng ký xét tuyển vào học đại học, cao đẳng tại các đơn vị thuộc Đại học Thái Nguyên phải đạt hạnh kiểm lớp 12 loại Khá trở lên.

3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2015 (điểm i khoản 2 Điều 7) gửi về sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 05/8/2015. Các Sở Giáo dục và đào tạo gửi về Đại học Thái Nguyên trước ngày 15/8/2015. Hồ sơ gồm:

- a) Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (phụ lục 3);
- b) Bản sao hợp lệ học bạ 3 năm học trung học phổ thông;
- c) Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6;
- d) Bản sao hợp lệ hộ khẩu thường trú;
- e) Lệ phí xét tuyển thẳng là 30.000đ /thí sinh/hồ sơ (trong đó nộp cho sở giáo dục và đào tạo 20.000 đồng, nộp cho trường khi đến nhập học 10.000 đồng).

Mọi chi tiết liên hệ: **Hội đồng tuyển sinh Đại học Thái Nguyên, phường Tân Thịnh, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.** Số điện thoại: 0280.3753.041, **thông tin chi tiết xem tại địa chỉ Website: <http://www.tuyensinh.tnu.edu.vn>.**

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (đề b/c);
- Giám đốc ĐHTN (đề b/c);
- Lưu VT, Ban Đào tạo;
- Website ĐHTN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS.TS. Nguyễn Hữu Công

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CÁC HUYỆN, DÂN TỘC ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015 (Kèm theo Thông báo số: 942/TB-ĐHTN-ĐT ngày 14/5/2015 của Đại học Thái Nguyên)

1. Danh sách 62 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP

1. Tỉnh Hà Giang, gồm 6 huyện: Đồng Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ, Yên Minh, Xín Mần và Hoàng Su Phì.
2. Tỉnh Cao Bằng, gồm 5 huyện: Thông Nông, Bảo Lâm, Hà Quảng, Bảo Lạc và Hạ Lang.
3. Tỉnh Lào Cai, gồm 3 huyện: Si Ma Cai, Mường Khương và Bắc Hà.
4. Tỉnh Yên Bái, gồm 2 huyện: Mù Căng Chải và Trạm Tấu.
5. Tỉnh Phú Thọ, gồm 1 huyện: Tân Sơn.
6. Tỉnh Bắc Giang, gồm 1 huyện: Sơn Động.
7. Tỉnh Bắc Kạn, gồm 2 huyện: Ba Bể và Pác Nặm.
8. Tỉnh Điện Biên, gồm 4 huyện: Mường Ảng, Tủa Chùa, Mường Nhé và Điện Biên Đông.
9. Tỉnh Lai Châu, gồm 5 huyện: Sìn Hồ, Mường Tè, Phong Thổ, Than Uyên và Tân Yên (tách ra từ huyện Than Uyên theo Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ).
10. Tỉnh Sơn La, gồm 5 huyện: Mường La, Bắc Yên, Phù Yên, Quỳnh Nhai và Sốp Cộp.
11. Tỉnh Thanh Hoá, gồm 7 huyện: Lang Chánh, Thường Xuân, Như Xuân, Quan Hoá, Bá Thước, Mường Lát và Quan Sơn.
12. Tỉnh Nghệ An, gồm 3 huyện: Quế Phong, Tương Dương và Kỳ Sơn.
13. Tỉnh Quảng Bình, gồm 1 huyện: Minh Hoá.
14. Tỉnh Quảng Trị, gồm 1 huyện: Đa Krông.
15. Tỉnh Quảng Nam, gồm 3 huyện: Nam Trà My, Tây Giang và Phước Sơn.
16. Tỉnh Quảng Ngãi, gồm 6 huyện: Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long, Tây Trà và Ba Tơ.
17. Tỉnh Bình Định, gồm 3 huyện: An Lão, Vĩnh Thạnh và Vân Canh.
18. Tỉnh Ninh Thuận, gồm 1 huyện: Bác Ái.
19. Tỉnh Lâm Đồng, gồm 1 huyện: Đam Rông.
20. Tỉnh Kon Tum, gồm 2 huyện: Kon Plong và Tu Mơ Rông./.

2. Danh sách 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo theo Quyết định số 293/QĐ-TTg.

- | | |
|--------------------------------------|---------------------------------------|
| 1. Huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; | 13. Huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam; |
| 2. Huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang; | 14. Huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam; |
| 3. Huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; | 15. Huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên; |
| 4. Huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai; | 16. Huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; |
| 5. Huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai; | 17. Huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum; |
| 6. Huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn; | 18. Huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum; |
| 7. Huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; | 19. Huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum; |

8. Huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên; 20. Huyện K Bang, tỉnh Gia Lai;
 9. Huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; 21. Huyện Kon Chro, tỉnh Gia Lai;
 10. Huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình; 22. Huyện Krong Pa, tỉnh Gia Lai;
 11. Huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; 23. Huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.
 12. Huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An;

3. Danh sách các huyện (thị xã) vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo đặc biệt khó khăn khu vực Tây Nam Bộ

1. Long An: Tân Hưng, Vĩnh Hưng, Mộc Hóa, Đức Huệ, Thạch Hóa, Tân Thạnh
 2. Đồng Tháp: Hồng Ngự, Tân Hồng, TX Hồng Ngự
 3. An Giang: TX Tân Châu, An Phú, TX Châu Đốc, Tịnh Biên, Tri Tôn
 4. Kiên Giang: Giang Thành, TX Hà Tiên, Kiên Hải, Phú Quốc
 5. Hậu Giang: Long Mỹ
 6. Bạc Liêu: Phước Long

4. Danh sách các huyện theo Quyết định số 615/QĐ-TTg ngày 25 tháng 04 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ

1. Tỉnh Thái Nguyên: Võ Nhai
 2. Tỉnh Hà Tĩnh: Vũ Quang, Hương Khê
 3. Tỉnh Quảng Nam: Bắc Trà My
 4. Tỉnh Đắk Nông: Đắk Glong
 5. Tỉnh Tiền Giang: Tân Phú Đông
 6. Tỉnh Trà Vinh: Trà Cú

5. Các dân tộc rất ít người theo Quyết định số 2123/QĐ-TTg.

Các dân tộc bao gồm: 9 dân tộc rất ít người: Ở Đu, Pu Péo, Si La, Rơ Măm, Cồng, Brâu, Bô Y, Mảng, Cờ Lao trong phạm vi 6 tỉnh Lào Cai, Hà Giang, Điện Biên, Lai Châu, Nghệ An, Kon Tum;

PHỤ LỤC 2

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015
(Kèm theo Thông báo số: 942/TB-ĐHTN-ĐT ngày 14/5 /2015 của Đại học Thái Nguyên)

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG, NGÀNH XÉT TUYỂN

THÍ SINH THUỘC 62 HUYỆN NGHÈO, 23 HUYỆN CÓ TỶ LỆ HỘ NGHÈO CAO,
20 HUYỆN NGHÈO BIÊN GIỚI, HẢI ĐẢO THUỘC KHU VỰC TÂY NAM BỘ
VÀ THÍ SINH THUỘC DÂN TỘC RẤT ÍT NGƯỜI

Tên trường, ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Ghi chú
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH	DTE		
<i>Các ngành đào tạo đại học:</i>			
Kinh tế: <i>Quản lý kinh tế; Kinh tế đầu tư; Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thương Mại Quốc tế; Kinh tế Y tế</i>		D310101	
Quản trị Kinh doanh: <i>Quản trị Kinh doanh tổng hợp; Quản trị doanh nghiệp công nghiệp; Quản trị Kinh doanh Thương mại</i>		D340101	
Marketing: <i>Quản trị Marketing</i>		D340115	
Quản trị Kinh doanh Du lịch và Lữ hành: <i>Quản trị Kinh doanh Du lịch và Khách sạn</i>		D340103	
Kế toán: <i>Kế toán tổng hợp; Kế toán Doanh nghiệp Công nghiệp</i>		D340301	
Tài chính - Ngân hàng: <i>Tài chính Doanh nghiệp; Tài chính Ngân hàng; Ngân hàng</i>		D340201	
Luật kinh tế: <i>Luật kinh doanh</i>		D380107	
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM	DTN		
<i>Các ngành đào tạo đại học:</i>			
Quản lý đất đai: <i>Quản lý đất đai; Địa chính - Môi trường</i>		D850103	
Phát triển nông thôn		D620116	
Kinh tế nông nghiệp		D620115	
Công nghệ thực phẩm: <i>Công nghệ thực phẩm; Dinh dưỡng và Thực phẩm chức năng</i>		D540101	
Quản lý tài nguyên rừng: <i>Quản lý tài nguyên rừng; Sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học</i>		D620211	
Chăn nuôi: <i>Chăn nuôi thú y</i>		D620105	
Thú y: <i>Thú y; Dược - Thú y</i>		D640101	
Lâm nghiệp: <i>Lâm nghiệp; Nông Lâm kết hợp</i>		D620201	
Khoa học cây trồng: <i>Trồng trọt; Công nghệ sản xuất cây dược liệu</i>		D620110	
Khuyến nông		D620102	
Khoa học môi trường: <i>Khoa học môi trường</i>		D440301	
Khoa học và quản lý môi trường (<i>chương trình tiên tiến</i>)		D904429	

Tên trường, ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Ghi chú
Nuôi trồng thủy sản		D620301	
Công nghệ rau hoa quả và Cảnh quan: <i>Công nghệ sản xuất rau hoa quả</i>		D620113	
Công nghệ sinh học		D420201	
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC	DTZ		
<i>Các ngành đào tạo đại học:</i>			
Địa lý tự nhiên		D440217	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Toán, Hóa học, Sinh học; Toán, Ngữ văn, Địa lí
Lịch sử		D220310	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Lịch sử; Toán, Ngữ văn, Địa lí
Công tác xã hội		D760101	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Vật lí; Toán, Ngữ văn, Lịch sử; Toán, Ngữ văn, Hóa học
Khoa học thư viện		D320202	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Toán, Hóa học, Sinh học; Toán, Ngữ văn, Địa lí
Du lịch học		D528102	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Lịch sử; Toán, Ngữ văn, Địa lí
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	DTC		
<i>Các ngành đào tạo đại học:</i>			
Công nghệ thông tin		D480201	
Kỹ thuật phần mềm		D480103	
Khoa học máy tính		D480101	
Truyền thông và mạng máy tính		D480102	
Hệ thống thông tin: <i>Hệ thống thông tin; Công nghệ tri thức</i>		D480104	
Công nghệ kỹ thuật máy tính		D510304	
Truyền thông đa phương tiện		D320104	
Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông: <i>Công nghệ vi điện tử; Điện tử ứng dụng; Hệ thống viễn thông, Tin học viễn thông; Xử lý thông tin, Công nghệ truyền thông; Vi cơ điện tử</i>		D510302	
Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử		D510301	
Kỹ thuật Y sinh		D520212	
Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa: <i>Công nghệ điều khiển tự động; Công nghệ đo lường tự động; Điện tử công nghiệp; Công nghệ robot</i>		D510303	
An toàn thông tin		D480299	
Hệ thống thông tin quản lý: <i>Tin học kinh tế; Tin học ngân hàng; Tin học kế toán</i>		D340405	
Quản trị văn phòng: <i>Quản trị hành chính văn phòng</i>		D340406	
Công nghệ Truyền thông		D320106	
Thiết kế đồ họa		D210403	
Thương mại điện tử		D340408	

Tên trường, ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Ghi chú
KHOA NGOẠI NGỮ	DTF		
<i>Các ngành đào tạo đại học:</i>			
Sư phạm tiếng Anh: <i>Sư phạm tiếng Anh; Sư phạm tiếng Anh bậc tiểu học</i>		D140231	
Ngôn ngữ Trung Quốc: <i>Ngôn ngữ Trung Quốc ; Song ngữ Trung-Anh</i>		D220204	
Sư phạm tiếng Trung Quốc: <i>Sư phạm tiếng Trung Quốc; Sư phạm song ngữ Trung-Anh</i>		D140234	
Sư phạm tiếng Nga: <i>Sư phạm song ngữ Nga-Anh</i>		D140232	
Ngôn ngữ Anh: <i>Ngôn ngữ Anh; Song ngữ Nga - Anh</i>		D220201	
Ngôn ngữ Pháp: <i>Song ngữ Pháp-Anh</i>		D220203	
KHOA QUỐC TẾ	DTQ		
<i>Các ngành đào tạo đại học:</i>			
Kinh doanh Quốc tế		D340120	
Quản trị kinh doanh: <i>Kinh doanh và Quản lý; Quản trị kinh doanh và Tài chính</i>		D340101	
Kế toán: <i>Kế toán và Tài chính</i>		D340301	
Quản lý Tài nguyên và Môi trường: <i>Quản lý môi trường và phát triển bền vững</i>		D850101	

PHỤ LỤC 3

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015
(Kèm theo Thông báo số: 942/TB-ĐHTN-ĐT ngày 14/5/2015 của Đại học Thái Nguyên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
4 x 6

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

1. **Họ và tên của thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới

2. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. **Hộ khẩu thường trú** (Ghi rõ xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố).....

4. **Dân tộc:**

5. **Nơi học và tốt nghiệp THPT:**

- Năm lớp 10:

- Năm lớp 11:

- Năm lớp 12:

6. **Trường đăng ký xét tuyển:**

7. **Ngành đăng ký xét tuyển:**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

8. **Địa chỉ báo tin:**.....

..... **Điện thoại** (nếu có):

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trường đã khai
đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2015

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2015

Chữ ký của thí sinh